UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHÓ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 83 /2007/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2007

QUYÉT ĐỊNH

Về việc ban hành khung theo dõi và đánh giá dựa trên kết quả tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006-2010

Uỷ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHÓ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân năm 2004; Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06/9/2006 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội dồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 56/2006/QH11 của Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 9 về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2006 - 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2006/NQ-CP ngày 9/10/2006 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ X và Nghị quyết của Quốc hội khóa XI về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010;

Căn cứ Nghị định số 99/2006/NĐ-CP ngày 15/9/2006 của Chính phủ về công tác kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch;

Căn cứ Nghị định số 53/2007/NĐ-CP ngày 04/4/2007 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 555/2007/QĐ-BKH ngày 30/5/2007 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành khung theo dõi và đánh giá dựa trên kết quả tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 – 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2006/NQ-HĐND ngày 22/7/2006 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội giai đoạn 2006-2010;

Căn cứ Quyết định số 157/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định về trình tự, thủ tục soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Uỷ ban nhân dân và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch & Đầu tư tại công văn số 1440/KH&ĐT-TH ngày 26/6/2007 và 1568/KH&ĐT-TH ngày 10/7/2007,

QUYÉT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành khung theo dõi và đánh giá dựa trên kết quả tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 (sau đây gọi là khung theo dõi và đánh giá kế hoạch 5 năm) kèm theo Quyết định này.

- Điều 2. Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện tổ chức theo đối và đánh giá tình hình thực hiện theo từng mục tiêu cụ thể được phân công tại khung theo dõi và đánh giá kế hoạch 5 năm kèm theo Quyết định này.
- Điều 3. Căn cứ khung theo dõi, đánh giá kế hoạch 5 năm kèm theo Quyết định này và đặc điểm của từng ngành, lĩnh vực, các sở, ngành và UBND các quận, huyện xây dựng, ban hành khung theo dõi và đánh giá dựa trên kết quả tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2006 2010 của ngành và địa phương.

Điều 4.

- 1. Các cơ quan nêu tại Điều 2 thuộc Quyết định này có trách nhiệm chuẩn bị báo cáo theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch 5 năm 2006-2010 theo định kỳ hàng năm, báo cáo giữa kỳ (2 năm), báo cáo kết thúc kế hoạch 5 năm, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND Thành phố để tổng hợp báo cáo lãnh đạo UBND Thành phố và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- 2. Trước ngày 10 tháng 7 hàng năm, các sở, ngành và UBND các quận, huyện báo cáo thực hiện 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm kế hoạch (đối với các chi tiêu hàng năm); báo cáo thực hiện kế hoạch 2 năm trước (đối với các chi tiêu báo cáo 2 năm 1 lần) và lũy kế đến năm báo cáo theo quy định tại Khung theo dõi và đánh giá kế hoạch 5 năm kèm theo Quyết định này. Riêng báo cáo năm 2007 gửi trước ngày 15 tháng 8 năm 2007.

Trước 05 tháng 11 báo cáo cập nhật tình hình thực hiện kế hoạch cả năm và lũy kế đến năm báo cáo.

Trước ngày 15 tháng 3 các sở, ngành và UBND các quận, huyện báo cáo bổ sung tình hình thực hiện kế hoạch năm trước và lũy kế đến năm báo cáo.

- 3. Các đơn vị nghiêm túc thực hiện chế độ báo cáo, bảo đảm tiến độ và chất lượng nội dung; trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo đúng quy định tại Nghị định số 53/2007/NĐ-CP ngày 04/4/2007 của Chính phủ về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.
- Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày đăng công báo.
- Điều 6. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch UBND các quận, huyện; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vấn đề khó khăn vướng mắc, các đơn vị phản ảnh gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo lãnh đạo UBND Thành phố và Bộ Kế hoạch và Đầu tư./.

Nơi nhân:

- VP Chính phù;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC;

(để b/c)

- TTTU, TTHĐND TP;
- Các đ/c thành viên UBND TP;

Book Mill to commence to North Company of Editor was Indian (Fig. 66) of Color Strong the Company of Colors and Color Strong the Color Strong

- Các sở, ban, ngành TP;
- UBND các quận, huyện;
- CP VP, các phòng CV;
- Luu: VT.



TYONG HỢP PHÂN CÔNG, THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH 5 NĂM 2006-2010

neo Quyết định số 83 /2007/QĐ-UBND ngày 20/7/2007)

l. Bào cào hàng năm

	Cay nang nam	Đơn vị chủ trì	
STŢ	Chỉ tiêu	báo cáo	
1	- Số đơn vị hành chính nhà nước áp dụng phương pháp		
1	lập kế hoạch chi tiêu trung hạn	Sở Tài chính	
	- Số đơn vị hành chính thực hiện phân bổ chi tiêu		
2	NSNN gắn với chiến lược phát triển kinh tế, xã hội	Sở Tài chính	
3 .	- Tỷ lệ chi ngân sách cho các đối tượng chính sách	Sở Tài chính	
4	- Chi NSNN cho các chương trình hỗ trợ đồng bào dân		
+	tộc thiểu số	Sở Tài chính	
5	- Chi NSNN cho giáo dục và đào tạo/tổng chi NSNN		
	của Thành phố	Sở Tài chính	
6	- Chi NSNN của Thành phố/tổng chi NSNN của Thành		
	phố	Sở Tài chính	
7			
	- Chi đầu tư cho trung tâm y tế dự phòng Thành phố	Sở Tài chính	
8	- Chi NSNN của Thành phố cho lĩnh vực văn hóa/tổng		
	chi NSNN của Thành phố	Sở Tài chính	
9	- Chi NSNN và các nguồn vốn nhà nước khác cho đào		
	tạo	Sở Tài chính	
10	- Tỷ lệ các cơ quan cung cấp dịch vụ ở Thành phố công		
	bố phí dịch vụ	Sở Tài chính	
11	- Số đơn vị hành chính thực hiện báo cáo kiểm toán	g	
,	theo chuẩn kiểm toán Việt Nam	Sở Tài chính	
12	- Tỷ lệ chi tiêu công có thuộc tính NSNN (theo ngành,	ga may 14.4	
 	theo nguồn)/tổng chi NSNN của Thành phố	Sở Tài chính	
13		0.5	
	- Tỷ lệ chi bảo dưỡng trên tổng chi ngân sách nhà nước	Sở Tài chính	
14	- Phân bổ chi tiêu ngân sách gắn với chiến lược phát		
	triển kinh tế xã hội của Thành phố	Sở Tài chính	
15	- Tỷ lệ hộ nghèo và hộ chính sách được hưởng giáo dục cơ bản miễn phí	· ·	
1.6		Sở Giáo dục đào tạo	
16	- Số phòng học được cải tạo, xây mới	Sở Giáo dục đào tạo	
17	- Số phòng học 3 ca	Sở Giáo dục đào tạo	
18	- Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo	Sở Giáo dục đào tạo	
19	- Tỷ lệ nhập học tiểu học đúng độ tuổi	Sở Giáo dục đào tạo	

C.T.	OAN MANA	Đơn vị chủ trì	
21/5	Chỉ tiêu	báo cáo	
202	lè nhập libc PTTH đúng độ tuổi	Sở Giáo dục đào tạo	
2 0	Ty tế nhấp lọc THCS đúng độ tuổi	Sở Giáo dục đào tạo	
22	Tốc độ tăng tuyển mới trung học chuyên nghiệp	Sở Giáo dục đào tạo	
23	- Tỷ lệ giáo viên tiểu học có trình độ cao đẳng	Sở Giáo dục đào tạo	
24	- Tỷ lệ giáo viên PTTH có trình độ thạc sỹ	Sở Giáo dục đào tạo	
25	- Tỷ lệ học sinh có sách giáo khoa theo chương trình và		
23	phương pháp dạy học mới	Sở Giáo dục đào tạo	
26	- Tỷ lệ học sinh so với giáo viên	Sở Giáo dục đào tạo	
27	- Tỷ lệ tốt nghiệp các cấp	Sở Giáo dục đào tạo	
28.	- Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn quốc gia và khu vực	Sở Giáo dục đào tạo	
29	- Số giờ học thực hành trên tổng số giờ học	Sở Giáo dục đào tạo	
30	- Tổng số giường bệnh/10.000 dân	Sở Y tế	
2.	- Tỷ lệ giường bệnh trong các bệnh viện tư/tổng số		
31	giường bệnh	Sở Y tế	
20			
32	- Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm đủ 6 loại vacxin	Sở Y tế	
		· · · · · · · · · · · · · · · · · · ·	
33	- Tỷ lệ người mắc bệnh sốt rét, bướu cổ, lao, phong và		
	các bệnh dịch nguy hiểm, các bệnh xã hội	Sở Y tế	
34	- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng	Sở Y tế	
	- Tỷ suất chết mẹ liên quan đến thai sản/100.000 trẻ đẻ		
35	sống	Sở Y tế	
36	- Tỷ lệ chết trẻ em dưới 1 tuổi	Sở Y tế	
37	- Tỷ lệ chết trẻ em dưới 5 tuổi	Sở Y tế	
38	- Số bác sỹ/10.000 dân	Sở Y tế	
20	- Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ, trong đó tỷ lệ trạm y tế xã		
39	miền núi có bác sỹ	Sở Y tế	
1.0	- Tỷ lệ trạm y tế xã có đủ điều kiện họat động và đủ nữ	.	
40	hộ sinh	Sở Y tế	
41	- Số vụ ngộ độc thực phẩm/dân số	Sở Y tế	
42	- Tỷ lệ người dân có bảo hiểm y tế	Sở Y tế	
	- Tỷ lệ người nghèo và cận nghèo được cấp bảo hiểm y		
43	té	Sở Y tế	
44	- Mức giảm tỷ lệ sinh bình quân	Sở Y tế	
45	- Số xã nghèo được công nhận thoát nghèo	Sở Lao động TBXH	
46	- Số hộ thoát nghèo	Sở Lao động TBXH	
47	- Tỷ lệ hộ nghèo	Sở Lao động TBXH	
48	- Tỷ lệ hộ nghèo là người dân tộc thiểu số	Sở Lao động TBXH	
L	, ,,,,,,,,,,		

Chi tiên báo cáo Sở Lao động TBXH Sở Văn hoá Thông tin Số Văn hoá Thông tin Số Văn hoá Thông tin Số Văn hoá Thông tin Sổ Văn hoá Thông ti		Đơn vị chủ trì			
49 hối 50 họi thiên thiên hoách được hướng trợ cấp xã nhà ở tránh bão, trú bão 51 - Số họi bì tải nghèo, do thiên tai và dùi do khác 52 - Số lao động được giải quyết việc làm mới trong năm, trong đó số tao động nữ 53 - Số cao số dạy nghề được đầu tư và năng cấp 54 - Số người nghiện ma túy cố hồ sơ quản lý cai nghiện 55 - Tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn văn hóa 56 - Tỷ lệ thôn, xôm dạt chuẩn văn hóa 57 - Tỷ lệ thôn, xôm đạt chuẩn văn hóa 58 ở Văn hoá Thông tin 59 - Tỷ lệ thôn, xôm đạt chuẩn văn hóa 50 - Tỷ lệ làng, bàn có từ sách công 60 - Tỷ lệ làng, bàn có từ sách công 61 - Số lượng di tích cách mạng, lịch sử văn hóa kiến trúc nghệ thuật, danh tháng được bảo tồn 63 - Tỷ lệ hộ được xem truyền thiên thống được bào tồn 64 - Tỷ lệ hộ nghe được đầi tiếng nói Việt Nam 65 - Tỷ lệ hộ nghe được đầi tiếng nói Việt Nam 66 - Tỷ lệ nộ nghe được đầi tiếng nói Việt Nam 67 - Tỷ lệ xã, phường có tổ chức định kỳ các họat động truyền truyền giáo dục phòng chống tệ nạn xã hội 68 - Tỷ lệ xã, phường có tổ chức định kỳ các họat động truyền truyền giáo dục phòng chống tệ nạn xã hội 69 - Số xã, phường, thị trấn có thiết chế thể dục thể thao ngoài công lập 70 - Tỷ lệ hộ ngia đình luyện thể dục thể thao ngoài công lập 71 - Tỷ lệ hộ ngia đình luyện thể dục thể thao Số Thể dục thể thao 72 - Số các văn bàn quy phạm pháp luật không còn hiệu	STT	Chỉ tiêu	- ,		
Số Lao động TBXH Số Văn hoá Thông tin Số Văn	- - -				
10 10 10 10 10 10 10 10	49	hôi	Sở Lao đông TBXH		
nhà c tránh bão, trú bão 1 - Số hố bị tái nghèo, do thiên tai và dùi do khác 2 - Số lao động được giải quyết việc làm mới trong nằm, trong đó số lao động nữ 5 - Số cơ sở dạy nghề được đầu tư và nâng cấp 5 - Số cơ sở dạy nghề được đầu tư và nâng cấp 5 - Tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn văn hóa 5 - Tỷ lệ thôn, xóm đạt chuẩn văn hóa 5 - Tỷ lệ thôn, xóm đạt chuẩn văn hóa 5 - Tỷ lệ thôn, xóm đạt chuẩn văn hóa 5 - Tỷ lệ thôn, xóm đạt chuẩn văn hóa 6 - Tỷ lệ thôn, xóm đạt chuẩn văn hóa 6 - Tỷ lệ lang, bản có từ sách công 6 - Số lượn gyởi đến các cơ sở văn hóa thông tin 6 - Số lượng di tích cách mạng, lịch sử văn hóa kiến trúc nghệ thuật, danh thắng được bào tổn 6 - Tỷ lệ hộ được xem truyền hình Việt Nam 6 - Tỷ lệ hộ nghe được đầi tiếng nối Việt Nam 6 - Tỷ lệ người đến tộc thiểu số được nghe các chương trình phát thanh bằng tiếng dân tộc 6 - Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có thiết chế thể dục thể thao ngoài công lập 70 - Tỷ lệ đân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên 71 - Tỷ lệ dân số tập luyện thể dục thể thao 72 - Số các văn bàn quy phạm pháp luật không còn hiệu 73 - Tỷ lệ hộ gịa đỉnh luyện tập thể thao		- Sử lê hô nghèo được hỗ trợ kinh phí được cải thiên			
51 - Số hộ bị tái nghèo, do thiên tai và dùi do khác 52 - Số lao động được giải quyết việc làm mới trong năm, trong đó số lao động nữ 53 - Số cơ sở dạy nghề được đầu tư và nâng cấp 54 - Số người nghiện ma túy có hỗ sơ quản lý cai nghiện và chữa trị 55 - Tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn văn hóa 56 - Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hóa 57 - Tỷ lệ thôn, xóm có từ sách công 58 - Tỷ lệ thôn, xóm đạt chuẩn văn hóa 59 - Tỷ lệ thôn, xóm đạt chuẩn văn hóa 60 - Tỷ lệ làng, bàn có từ sách công 61 - Số doàn nghệ thuật công lập chuyển sang họat động theo cơ chế phục vụ công ích 62 - Số lượn gười đến các cơ sở văn hóa (bào tàng, rạp hát, rạp xem phim,)/năm 63 - Số lượng văn hóa phi vật thể truyền thống được bảo tồn 64 - Số lượng văn hóa thông tin 65 - Tỷ lệ hộ được xem truyền hình Việt Nam 66 - Tỷ lệ hộ nghe được đải tiếng nói Việt Nam 67 - Tỷ lệ người đân tộc thiểu số được nghe các chương trình phát thanh bằng tiếng dẫn tộc 68 - Tỷ lệ xã, phường có tổ chức định kỳ các họat động tuyên truyền giáo dục phòng chồng tệ nan xã hội 69 - Số xã, phường, thị trấn có thiết chế thể dục thể thao 70 - Tỷ lệ đãn số tập luyện thể dục thể thao 71 - Tỷ lệ hộ gia đình luyện tập thể thao 72 - Số các văn bản quy phạm pháp luật không còn hiệu	50		Sở Lao đông TBXH		
52 - Số lao động được giải quyết việc làm mới trong năm, trong đó số lao động nữ Sở Lao động TBXH 53 - Số cơ sở dạy nghề được đầu tư và nâng cấp Sở Lao động TBXH 54 - Số người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý cai nghiện và chữa trị Sở Lao động TBXH 55 - Tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn văn hóa Sở Văn hoá Thông tin 56 - Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hóa Sở Văn hoá Thông tin 57 - Tỷ lệ thôn, xóm đạt chuẩn văn hóa Sở Văn hoá Thông tin 59 - Tỷ lệ thôn, xóm đạt chuẩn văn hóa Sở Văn hoá Thông tin 60 - Tỷ lệ làng, bàn có từ sách công Sở Văn hoá Thông tin 61 - Số doàn nghệ thuật công lập chuyển sang họat động theo cơ chế phục vụ công ích Sở Văn hoá Thông tin 62 - Số lượn người đến các cơ sở văn hóa (bào tàng, rạp hát, rạp xem phim,)/năm Sở Văn hoá Thông tin 63 - Số lượng di tích cách mạng, lịch sử văn hóa kiến trúc nghệ thuật, danh thắng được bảo tồn Sở Văn hoá Thông tin 64 - Số lượng vãn hóa phi vật thể truyền thống được bảo tồn Sở Văn hoá Thông tin 65 - Tỷ lệ hộ được xem truyền hình Việt Nam Sở Văn hoá Thông tin 66 - Tỷ lệ người đần tộc thiểu số được nghe các chương trình phát thanh bằng ti	51	<u></u>			
trong đó số lao động nữ Sở Lao động TBXH Sổ cơ sở dạy nghề được đầu tư và nâng cấp Sổ Lao động TBXH Sổ Văn hoá Thông tin Sổ Văn hoá Thông tin Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hóa Sổ Văn hoá Thông tin Tỷ lệ thôn, xóm đạt chuẩn văn hóa Sổ Văn hoá Thông tin Tỷ lệ làng, bàn có từ sách công Sổ Văn hoá Thông tin Tỷ lệ làng, bàn có từ sách công Sổ Văn hoá Thông tin Sổ Lao động TBXH Sổ Lao động TBXH Sổ Lao động TBXH Sổ Lao động TBXH Sổ Văn hoá Thông tin					
Số Cao sở dạy nghề được đầu tư và nâng cấp Số Lao động TBXH Số Văn hoá Thông tin	52	1	Sở Lao đông TBXH		
- Số người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý cai nghiện và chữa trị - Tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn văn hóa - Tỷ lệ thôn, xóm có tủ sách công - Tỷ lệ thôn, xóm đạt chuẩn văn hóa - Tỷ lệ thôn, xóm đạt chuẩn văn hóa - Tỷ lệ thôn, xóm đạt chuẩn văn hóa - Tỷ lệ thôn, xóm đạt chuẩn văn hóa - Tỷ lệ thôn, xóm đạt chuẩn văn hóa - Tỷ lệ làng, bản có tủ sách công - Tỷ lệ làng, bản có tủ sách công - Số doàn nghệ thuật công lập chuyển sang họat động theo cơ chế phục vụ công ích - Số lượng di tích cách mạng, lịch sử văn hóa kiến trúc nghệ thuật, danh tháng được bảo tồn - Số lượng văn hóa phi vật thể truyền thống được bảo tồn - Tỷ lệ hộ được xem truyền hình Việt Nam - Tỷ lệ người dân tộc thiểu số được nghe các chương trình phát thanh bằng tiếng dân tộc - Tỷ lệ xã, phường có tổ chức định kỳ các họat động truyền truyền giáo dục phòng chống tệ nạn xã hội - Tỷ lệ dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên - Tỷ lệ hộ gia đình luyện thệ thao - Tỷ lệ hộ gia đình luyện tập thể thao - Tỷ lệ hộ gia đình luyện thệ thao - Tỷ lệ hộ gia đình luyện tập thể thao - Tỷ lệ hộ gia đình luyện tập thể thao - Số Thể dục thể thao - Số Thể dục thể thao	53				
34 và chữa trị Sở Lao động TBXH 55 - Tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn văn hóa Sở Văn hoá Thông tin 56 - Tỷ lệ thôn, xóm có tủ sách công Sở Văn hoá Thông tin 57 - Tỷ lệ thôn, xóm đạt chuẩn văn hóa Sở Văn hoá Thông tin 58 - Tỷ lệ thôn, xóm đạt chuẩn văn hóa Sở Văn hoá Thông tin 59 - Tỷ lệ làng, bản có tủ sách công Sở Văn hoá Thông tin 60 - Tỷ lệ làng, bản có tủ sách công Sở Văn hoá Thông tin 61 - Số đoàn nghệ thuật công lập chuyển sang họat động theo cơ chế phục vụ công ích Sở Văn hoá Thông tin 62 - Số lượn người đến các cơ sở văn hóa (bào tàng, rạp hát, rạp xem phim,)/năm Sở Văn hoá Thông tin 63 - Số lượng dì tích cách mạng, lịch sử văn hóa kiến trúc nghệ thuật, danh thấng được bảo tồn Sở Văn hoá Thông tin 64 - Số lượng văn hóa phi vật thể truyền thống được bảo tồn Sở Văn hoá Thông tin 65 - Tỷ lệ hộ được xem truyền hình Việt Nam Sở Văn hoá Thông tin 66 - Tỷ lệ hộ nghe được đài tiếng nói Việt Nam Sở Văn hoá Thông tin 67 - Tỷ lệ người đấn tộc thiểu số được nghe các chương trình phát thanh bằng tiếng dân tộc Sở Văn hoá Thông tin 68 - Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có thiết chế thể dục thể thao ngoà					
55 - Tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn văn hóa 56 - Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hóa 57 - Tỷ lệ thôn, xóm có từ sách công 58 - Tỷ lệ thôn, xóm đạt chuẩn văn hóa 58 - Tỷ lệ thôn, xóm đạt chuẩn văn hóa 59 - Tỷ lệ thôn, xóm đạt chuẩn văn hóa 50 - Tỷ lệ làng, bản có từ sách công 60 - Tỷ lệ làng, bản có từ sách công 50 - Số đoàn nghệ thuật công lập chuyển sang họat động theo cơ chế phục vụ công ích 61 - Số lượt người đến các cơ sở văn hóa (bảo tàng, rạp hát, rạp xem phim,)/năm 63 - Số lượng đi tích cách mạng, lịch sử văn hóa kiến trúc nghệ thuật, danh thắng được bảo tồn 64 - Số lượng văn hóa phi vật thể truyền thống được bảo tồn 65 - Tỷ lệ hộ được xem truyền hình Việt Nam 66 - Tỷ lệ hộ nghe được đài tiếng nói Việt Nam 67 - Tỷ lệ người dân tộc thiểu số được nghe các chương trình phát thanh bằng tiếng dân tộc 68 - Tỷ lệ xã, phường có tổ chức định kỳ các họat động tuyên truyền giáo dục phòng chống tệ nạn xã hội 69 - Số xã, phường, thị trấn có thiết chế thể dục thể thao ngoài công lập 70 - Tỷ lệ dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên 71 - Tỷ lệ hộ gia đình luyện tập thể thao 72 - Số các văn bàn quy phạm pháp luật không còn hiệu	54		Sở Lao đông TBXH		
56 - Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hóa 57 - Tỷ lệ thôn, xóm có từ sách công 58 - Tỷ lệ thôn, xóm đạt chuẩn văn hóa 59 - Tỷ lệ thôn, xóm đạt chuẩn văn hóa 50 Văn hoá Thông tin 59 - Tỷ lệ thôn, xóm đạt chuẩn văn hóa 60 - Tỷ lệ làng, bản có từ sách công - Số đoàn nghệ thuật công lập chuyển sang họat động theo cơ chế phục vụ công ích 62 - Số lượt người đến các cơ sở văn hóa (bảo tàng, rạp hát, rạp xem phim,)/năm - Số lượng đi tích cách mạng, lịch sử văn hóa kiến trúc nghệ thuật, danh thắng được bảo tồn 63 - Tỷ lệ hộ được xem truyền hình Việt Nam - Số lượng văn hóa phi vật thể truyền thống được bảo tồn 64 - Tỷ lệ hộ nghe được đài tiếng nói Việt Nam - Tỷ lệ người đân tộc thiểu số được nghe các chương trình phát thanh bằng tiếng đần tộc - Tỷ lệ xã, phường có tổ chức định kỳ các họat động tuyên truyền giáo dục phòng chống tệ nạn xã hội - Tỷ lệ dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên - Tỷ lệ hộ gia đình luyện tập thể thao - Tỷ lệ hộ gia đình luyện tập thể thao - Tỷ lệ hộ gia đình luyện tập thể thao - Số các văn bàn quy phạm pháp luật không còn hiệu	55				
57 - Tỷ lệ thôn, xóm có tủ sách công 58 - Tỷ lệ thôn, xóm đạt chuẩn văn hóa 59 - Tỷ lệ thôn, xóm đạt chuẩn văn hóa 60 - Tỷ lệ làng, bàn có tủ sách công 61 - Số đoàn nghệ thuật công lập chuyển sang họat động theo cơ chế phục vụ công ích 62 - Số lượt người đến các cơ sở văn hóa (bảo tàng, rạp hát, rạp xem phim,)/năm 63 - Số lượng đi tích cách mạng, lịch sử văn hóa kiến trúc nghệ thuật, danh thắng được bảo tồn 64 - Số lượng văn hóa phi vật thể truyền thống được bảo tồn 65 - Tỷ lệ hộ được xem truyền hình Việt Nam 66 - Tỷ lệ người đân tộc thiểu số được nghe các chương trình phát thanh bằng tiếng dân tộc 68 - Tỷ lệ xã, phường có tổ chức định kỳ các họat động tuyên truyền giáo dục phòng chống tệ nạn xã hội 69 - Số xã, phường, thị trấn có thiết chế thể dục thể thao ngoài công lập 70 - Tỷ lệ hộ gia đình luyện thể dục thể thao thường xuyên 71 - Tỷ lệ hộ gia đình luyện tập thể thao 72 - Số các văn bản quy phạm pháp luật không còn hiệu	-				
 - Tỷ lệ thôn, xóm đạt chuẩn văn hóa - Tỷ lệ thôn, xóm đạt chuẩn văn hóa - Tỷ lệ làng, bàn có tủ sách công - Số đoàn nghệ thuật công lập chuyển sang họat động theo cơ chế phục vụ công ích - Số lượt người đến các cơ sở văn hóa (bảo tàng, rạp hát, rạp xem phim,)/năm - Số lượng di tích cách mạng, lịch sử văn hóa kiến trúc nghệ thuật, danh thắng được bảo tồn - Số lượng văn hóa phi vật thể truyền thống được bảo tồn - Tỷ lệ hộ được xem truyền hình Việt Nam - Tỷ lệ hộ nghe được đài tiếng nối Việt Nam - Tỷ lệ người đần tộc thiểu số được nghe các chương trình phát thanh bằng tiếng dân tộc - Tỷ lệ xã, phường có tổ chức định kỳ các họat động tuyên truyền giáo dục phòng chống tệ nạn xã hội - Tỷ lệ dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên - Tỷ lệ hộ gia đình luyện tập thể thao - Tỷ lệ hộ gia đình luyện tập thể thao - Số các văn bản quy phạm pháp luật không còn hiệu 					
59- Tỷ lệ thôn, xóm đạt chuẩn văn hóaSở Văn hoá Thông tin60- Tỷ lệ làng, bản có tủ sách côngSở Văn hoá Thông tin61- Số đoàn nghệ thuật công lập chuyển sang họat động theo cơ chế phục vụ công íchSở Văn hoá Thông tin62- Số lượt người đến các cơ sở văn hóa (bảo tàng, rạp hát, rạp xem phim,)/nămSở Văn hoá Thông tin63- Số lượng di tích cách mạng, lịch sử văn hóa kiến trúc nghệ thuật, danh thắng được bảo tồnSở Văn hoá Thông tin64- Số lượng văn hóa phi vật thể truyền thống được bảo tồnSở Văn hoá Thông tin65- Tỷ lệ hộ được xem truyền hình Việt NamSở Văn hoá Thông tin66- Tỷ lệ hộ nghe được đài tiếng nói Việt NamSở Văn hoá Thông tin67- Tỷ lệ người dân tộc thiểu số được nghe các chương trình phát thanh bằng tiếng dân tộcSở Văn hoá Thông tin68- Tỷ lệ xã, phường có tổ chức định kỳ các họat động tuyên truyền giáo dục phòng chống tệ nạn xã hộiSở Văn hoá Thông tin69- Số xã, phường, thị trấn có thiết chế thể dục thể thao ngoài công lậpSở Thể dục thể thao70- Tỷ lệ dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyênSở Thể dục thể thao71- Tỷ lệ hộ gia đình luyện tập thể thaoSở Thể dục thể thao72- Số các văn bản quy phạm pháp luật không còn hiệu					
60 - Tỷ lệ làng, bản có tủ sách công - Sổ đoàn nghệ thuật công lập chuyển sang họat động theo cơ chế phục vụ công ích - Sổ lượt người đến các cơ sở văn hóa (bảo tàng, rạp hát, rạp xem phim,)/năm - Sổ lượng di tích cách mạng, lịch sử văn hóa kiến trúc nghệ thuật, danh thắng được bảo tồn - Sổ lượng văn hóa phi vật thể truyền thống được bảo tồn - Sổ lượng văn hóa phi vật thể truyền thống được bảo tồn - Tỷ lệ hộ nghe được đài tiếng nói Việt Nam - Tỷ lệ người dân tộc thiểu số được nghe các chương trình phát thanh bằng tiếng dân tộc - Tỷ lệ xã, phường có tổ chức định kỳ các họat động tuyên truyền giáo dục phòng chống tệ nạn xã hội - Tỷ lệ dân số tập luyện thể dục thể thao ngoài công lập - Tỷ lệ hộ gia đình luyện tập thể thao - Tỷ lệ hộ gia đình luyện tập thể thao - Số các văn bản quy phạm pháp luật không còn hiệu	$\overline{}$		· · · · · · · · · · · · · · · · · · ·		
- Số đoàn nghệ thuật công lập chuyển sang họat động theo cơ chế phục vụ công ích - Số lượt người đến các cơ sở văn hóa (bảo tàng, rạp hát, rạp xem phim,)/năm - Số lượng di tích cách mạng, lịch sử văn hóa kiến trúc nghệ thuật, danh thắng được bảo tồn - Số lượng văn hóa phi vật thể truyền thống được bảo tồn - Số lượng văn hóa phi vật thể truyền thống được bảo tồn - Tỷ lệ hộ nghe được đài tiếng nói Việt Nam - Tỷ lệ hộ nghe được đài tiếng nói Việt Nam - Tỷ lệ người dân tộc thiểu số được nghe các chương trình phát thanh bằng tiếng dân tộc - Tỷ lệ xã, phường có tổ chức định kỳ các họat động tuyên truyền giáo dục phòng chống tệ nạn xã hội - Số xã, phường, thị trấn có thiết chế thể dục thể thao ngoài công lập - Tỷ lệ dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên - Tỷ lệ hộ gia đình luyện tập thể thao - Tỷ lệ hộ gia đình luyện tập thể thao - Số các văn bản quy phạm pháp luật không còn hiệu	60	<u> </u>			
theo cơ chế phục vụ công ích - Số lượt người đến các cơ sở văn hóa (bảo tàng, rạp hát, rạp xem phim,)/năm - Số lượng di tích cách mạng, lịch sử văn hóa kiến trúc nghệ thuật, danh thắng được bảo tồn - Số lượng văn hóa phi vật thể truyền thống được bảo tồn - Số lượng văn hóa phi vật thể truyền thống được bảo tồn - Tỷ lệ hộ được xem truyền hình Việt Nam - Tỷ lệ hộ nghe được đài tiếng nói Việt Nam - Tỷ lệ người dân tộc thiểu số được nghe các chương trình phát thanh bằng tiếng dân tộc - Tỷ lệ xã, phường có tổ chức định kỳ các họat động tuyên truyền giáo dục phòng chống tệ nạn xã hội - Số xã, phường, thị trấn có thiết chế thể dục thể thao ngoài công lập - Tỷ lệ dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên - Tỷ lệ hộ gia đình luyện tập thể thao - Tỷ lệ hộ gia đình luyện tập thể thao - Số các văn bàn quy phạm pháp luật không còn hiệu					
- Số lượt người đến các cơ sở văn hóa (bảo tàng, rạp hát, rạp xem phim,)/năm - Số lượng di tích cách mạng, lịch sử văn hóa kiến trúc nghệ thuật, danh tháng được bảo tồn - Số lượng văn hóa phi vật thể truyền thống được bảo tồn - Số lượng văn hóa phi vật thể truyền thống được bảo tồn - Tỷ lệ hộ được xem truyền hình Việt Nam - Tỷ lệ hộ nghe được đài tiếng nói Việt Nam - Tỷ lệ người dân tộc thiểu số được nghe các chương trình phát thanh bằng tiếng dân tộc - Tỷ lệ xã, phường có tổ chức định kỳ các họat động tuyên truyền giáo dục phòng chống tệ nạn xã hội - Số xã, phường, thị trấn có thiết chế thể dục thể thao ngoài công lập - Tỷ lệ dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên - Tỷ lệ hộ gia đình luyện tập thể thao - Tỷ lệ hộ gia đình luyện tập thể thao - Số các văn bàn quy phạm pháp luật không còn hiệu	61	,	Sở Văn hoá Thông tin		
hát, rạp xem phim,)/năm Số Văn hoá Thông tin - Số lượng di tích cách mạng, lịch sử văn hóa kiến trúc nghệ thuật, danh thắng được bảo tồn - Số lượng văn hóa phi vật thể truyền thống được bảo tồn - Số lượng văn hóa phi vật thể truyền thống được bảo tồn - Tỷ lệ hộ được xem truyền hình Việt Nam - Tỷ lệ hộ nghe được đài tiếng nói Việt Nam - Tỷ lệ người dân tộc thiểu số được nghe các chương trình phát thanh bằng tiếng dân tộc - Tỷ lệ xã, phường có tổ chức định kỳ các họat động tuyên truyền giáo dục phòng chống tệ nạn xã hội - Số xã, phường, thị trấn có thiết chế thể dục thể thao ngoài công lập - Tỷ lệ dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên - Tỷ lệ hộ gia đình luyện tập thể thao - Tỷ lệ hộ gia đình luyện tập thể thao - Số các văn bản quy phạm pháp luật không còn hiệu					
- Số lượng di tích cách mạng, lịch sử văn hóa kiến trúc nghệ thuật, danh thắng được bảo tồn - Số lượng văn hóa phi vật thể truyền thống được bảo tồn - Số lượng văn hóa phi vật thể truyền thống được bảo tồn - Tỷ lệ hộ được xem truyền hình Việt Nam - Tỷ lệ hộ nghe được đài tiếng nói Việt Nam - Tỷ lệ người dân tộc thiểu số được nghe các chương trình phát thanh bằng tiếng dân tộc - Tỷ lệ xã, phường có tổ chức định kỳ các họat động tuyên truyền giáo dục phòng chống tệ nạn xã hội - Số xã, phường, thị trấn có thiết chế thể dục thể thao ngoài công lập - Tỷ lệ dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên - Tỷ lệ hộ gia đình luyện tập thể thao - Sổ các văn bàn quy phạm pháp luật không còn hiệu	62	_	Sở Văn hoá Thông tin		
nghệ thuật, danh thắng được bảo tồn Sở Văn hoá Thông tin Tỷ lệ hộ nghe được đài tiếng nói Việt Nam Sở Văn hoá Thông tin Tỷ lệ người dân tộc thiểu số được nghe các chương trình phát thanh bằng tiếng dân tộc Sở Văn hoá Thông tin Tỷ lệ xã, phường có tổ chức định kỳ các họat động tuyên truyền giáo dục phòng chống tệ nạn xã hội Sở Văn hoá Thông tin Sở Văn hoá Thông tin Sổ Văn hoá Thông tin Sổ Thể dục thể thao Tỷ lệ dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên Tỷ lệ hộ gia đình luyện tập thể thao Sở Thể dục thể thao					
64 - Số lượng văn hóa phi vật thể truyền thống được bảo tồn Sở Văn hoá Thông tin 65 - Tỷ lệ hộ được xem truyền hình Việt Nam Sở Văn hoá Thông tin 66 - Tỷ lệ hộ nghe được đài tiếng nói Việt Nam Sở Văn hoá Thông tin 67 - Tỷ lệ người dân tộc thiểu số được nghe các chương trình phát thanh bằng tiếng dân tộc Sở Văn hoá Thông tin 68 - Tỷ lệ xã, phường có tổ chức định kỳ các họat động tuyên truyền giáo dục phòng chống tệ nạn xã hội Sở Văn hoá Thông tin 69 - Số xã, phường, thị trấn có thiết chế thể dục thể thao ngoài công lập Sở Thể dục thể thao 70 - Tỷ lệ dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên Sở Thể dục thể thao 71 - Tỷ lệ hộ gia đình luyện tập thể thao 72 - Số các văn bản quy phạm pháp luật không còn hiệu	63		Sở Văn hoá Thông tin		
tồn Sở Văn hoá Thông tin 65 - Tỷ lệ hộ được xem truyền hình Việt Nam Sở Văn hoá Thông tin 66 - Tỷ lệ hộ nghe được đài tiếng nói Việt Nam Sở Văn hoá Thông tin 67 - Tỷ lệ người dân tộc thiểu số được nghe các chương trình phát thanh bằng tiếng dân tộc Sở Văn hoá Thông tin 68 - Tỷ lệ xã, phường có tổ chức định kỳ các họat động tuyên truyền giáo dục phòng chống tệ nạn xã hội Sở Văn hoá Thông tin 69 - Số xã, phường, thị trấn có thiết chế thể dục thể thao ngoài công lập Sở Thể dục thể thao 70 - Tỷ lệ dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên Sở Thể dục thể thao 71 - Tỷ lệ hộ gia đình luyện tập thể thao Sở Thể dục thể thao			,		
66 - Tỷ lệ hộ nghe được đài tiếng nói Việt Nam 67 - Tỷ lệ người dân tộc thiểu số được nghe các chương trình phát thanh bằng tiếng dân tộc 68 - Tỷ lệ xã, phường có tổ chức định kỳ các họat động tuyên truyền giáo dục phòng chống tệ nạn xã hội 69 - Số xã, phường, thị trấn có thiết chế thể dục thể thao ngoài công lập 70 - Tỷ lệ dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên 71 - Tỷ lệ hộ gia đình luyện tập thể thao 72 - Số các văn bản quy phạm pháp luật không còn hiệu	64	1 1	Sở Văn hoá Thông tin		
- Tỷ lệ người dân tộc thiểu số được nghe các chương trình phát thanh bằng tiếng dân tộc - Tỷ lệ xã, phường có tổ chức định kỳ các họat động tuyên truyền giáo dục phòng chống tệ nạn xã hội - Số xã, phường, thị trấn có thiết chế thể dục thể thao ngoài công lập - Tỷ lệ dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên - Tỷ lệ hộ gia đình luyện tập thể thao - Số các văn bản quy phạm pháp luật không còn hiệu	65	- Tỷ lệ hộ được xem truyền hình Việt Nam	Sở Văn hoá Thông tin		
trình phát thanh bằng tiếng dân tộc Sở Văn hoá Thông tin Sổ xã, phường chống tệ nạn xã hội Sổ xã, phường, thị trấn có thiết chế thể dục thể thao ngoài công lập Sở Thể dục thể thao Tỷ lệ dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên Tỷ lệ hộ gia đình luyện tập thể thao Sở Thể dục thể thao Sở Thể dục thể thao	66	- Tỷ lệ hộ nghe được đài tiếng nói Việt Nam	Sở Văn hoá Thông tin		
trình phát thanh bằng tiếng dân tộc Sở Văn hoá Thông tin Sổ xã, phường chống tệ nạn xã hội Sổ xã, phường, thị trấn có thiết chế thể dục thể thao ngoài công lập Sở Thể dục thể thao Tỷ lệ dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên Tỷ lệ hộ gia đình luyện tập thể thao Sở Thể dục thể thao Sở Thể dục thể thao		- Tỷ lệ người dân tộc thiểu số được nghe các chương			
tuyên truyền giáo dục phòng chống tệ nạn xã hội - Số xã, phường, thị trấn có thiết chế thể dục thể thao ngoài công lập - Tỷ lệ dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên - Tỷ lệ hộ gia đình luyện tập thể thao - Số các văn bản quy phạm pháp luật không còn hiệu	6/	1	Sở Văn hoá Thông tin		
tuyên truyền giáo dục phòng chống tệ nạn xã hội - Số xã, phường, thị trấn có thiết chế thể dục thể thao ngoài công lập - Tỷ lệ dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên - Tỷ lệ hộ gia đình luyện tập thể thao - Số các văn bản quy phạm pháp luật không còn hiệu					
tuyên truyền giáo dục phòng chống tệ nạn xã hội - Số xã, phường, thị trấn có thiết chế thể dục thể thao ngoài công lập - Tỷ lệ dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên - Tỷ lệ hộ gia đình luyện tập thể thao - Số các văn bản quy phạm pháp luật không còn hiệu	68	- Tỷ lệ xã, phường có tổ chức định kỳ các họat động			
- Số xã, phường, thị trấn có thiết chế thể dục thể thao ngoài công lập - Tỷ lệ dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên - Tỷ lệ hộ gia đình luyện tập thể thao - Số các văn bản quy phạm pháp luật không còn hiệu			Sở Văn hoá Thông tin		
ngoài công lập Tỷ lệ dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên Tỷ lệ hộ gia đình luyện tập thể thao Sở Thể dục thể thao	C0				
71 - Tỷ lệ hộ gia đình luyện tập thể thao Sở Thể dục thể thao - Số các văn bản quy phạm pháp luật không còn hiệu	69	ngoài công lập	Sở Thể dục thể thao		
71 - Tỷ lệ hộ gia đình luyện tập thể thao Sở Thể dục thể thao - Số các văn bản quy phạm pháp luật không còn hiệu	70				
- Số các văn bản quy phạm pháp luật không còn hiệu	/0	- Tỷ lệ dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên	Sở Thể dục thể thao		
	71	- Tỷ lệ hộ gia đình luyện tập thể thao	Sở Thể dục thể thao		
lực hoặc trùng lặp được loại bỏ Sở Tư pháp	72	- Số các văn bản quy phạm pháp luật không còn hiệu			
- *	/2		Sở Tư pháp		

STT	IN THE	Đơn vị chủ trì	
	Chỉ tiêu	báo cáo	
73/	- Số văn bắn quy phạm pháp luật được ban hành	Sở Tư pháp	
1			
74	Số quy chế quy định trách nhiệm của thủ trưởng cơ		
' '	quan trước cấp trên vàtrước pháp luật đối với các hành		
	vi trái pháp luật, kỷ luật hành chính, phạm tội hình sự	Sở Tư pháp	
75	- Số quy định không cần thiết về cấp phép, thanh tra,	:	
	kiểm tra được xóa bỏ	Sở Tư pháp	
76	- Năng lực tăng thêm thông qua các cảng (nếu có)	Sở Giao thông công chính	
77	- Số Km đường Thành phố được: làm mới, nâng cấp,		
	cải tạo	Sở Giao thông công chính	
78	- Tỷ lệ dân cư thành thị sử dụng nước sạch	Sở Giao thông công chính	
79	- Tỷ lệ đường phổ có cây xanh	Sở Giao thông công chính	
80	- Tỷ lệ dân nông thôn được cung cấp nước sạch	Sở Nông nghiệp và PTNT	
81	- Số người bị thiệt hại về người và của do thiên tai gây		
	ra	Sở Nông nghiệp và PTNT	
82	- Số người được tham gia tố chức tập huấn về phòng		
02	chống thiên tai	Sở Nông nghiệp và PTNT	
83	- Tỷ lệ hộ sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền		
	sử dụng đất	Sở Tài nguyên MT-NĐ	
84	- Tỷ lệ đất được khai thác và sử dụng có hiệu quả	Sở Tài nguyên MT-NĐ	
85	- Tỷ lệ các khu nhàổ chuột ở đô thị vànông thôn được		
	xóa bỏ	Sở Tài nguyên MT-NĐ	
86	- Số cơ sở gây ô nhiễm môi trường bị xử lý	Sở Tài nguyên MT-ŅĐ	
87	- Số khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý		
	nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	Sở Tài nguyên MT-NĐ	
88			
	- Số đơn vị hành chính thực hiện chính sách một cửa	Sở Nội vụ	
89	- Số đơn vị hành chính áp dung hệ thống quản lý chất	l l	
	lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000	Sở Khoa học công nghệ	
90	- Áp dụng phương pháp lập kế hoạch dựa trên kết quả		
	và có tham vấn ý kiến cộng đồng, kế cả người nghèo	Sở Kế hoạch và đầu tư	
91	- Tỷ lệ các cấp chính quyền Thành phố thực hiện giao	1	
	dịch qua mạng	Sở Bưu chính viễn thông	
92	- Tỷ lệ các xã công khai thông tin về ngân sách xã,		
	phường	UBND các quận, huyện	
93	- Số người, phương tiện bị thiệt hại do bão, lũ lụt gây ra		
	(nêu có)	UBND các quận, huyện	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì báo cáo
94	Số huyện chấn xây dựng xong bản đồ địa chính và cong bố công hai	UBND các quận, huyện
95	- Số quận, huyện có đủ các công trình thể dục thể thao cơ bản: sân vận động, bể bơi, nhà thi đấu đa năng,	UBND các quận, huyện
96	- Tỷ lệ cán bộ lãnh đạo kê khai tài sản theo Luật Phòng, chống tham nhũng	Thanh tra Thành phố
97	- Tỷ lệ dự án đầu tư có sự tham gia giám sát của người dân	Văn phòng Uỷ ban Mặt trận tổ quốc Thành phố
98	- Số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	Uỷ ban dân số gia đình và trẻ em Thành phố
99	- Số trẻ em nghèo, có hoàn khó khăn, trẻ em lang thang cơ nhỡ, trẻ em khuyết tật được bảo vệ, tiếp xúc với các dịch vụ cơ bản như: học tập, chăm sóc sức khỏe	Uỷ ban dân số gia đình và trẻ em Thành phố

2. Báo cáo ciữa kỳ (năm 2008) và cuối kỳ (năm 2010)

2/4	The Marie The Control of the Control	Đơn vị chủ trì	
2	Chỉ tiêu	báo cáo	Ghi chú
10/6	[A-3] [A-4]		Giri Citu
170	Type cầy khu nhà ố chuột ở đô thị và nông thôn được xoá	Sở Xây dựng	
1	then duse xoa	So Aay uung	
	- Số cơ sở sản xuất mới xây dựng áp dụng công		
	nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm thiểu ô		
2	nhiễm xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường		
	- Tỷ lệ người dân tộc thiếu số được cấp số đỏ		
3.	đổi với đất nông nghiệp và đất rừng	NĐ	
	- Mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ địa		
4	chính	NĐ	
	- Tỷ lệ ô nhiễm môi trường ở các khu công		
	nghiệp, làng nghề, các thành phố và các vùng		
5	nông thôn, vùng có mật độ dân số cao	NĐ	
	- Tỷ lệ người dân tộc thiểu số tham gia lãnh đạo		
6	ở các cấp	Sở Nội vụ	
	- Số doanh nghiệp được cấp chứng nhận ISO	Sở Khoa học công	
7	14001	nghệ	
1	- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và	Sở Giao thông	,
8	xử lý	công chính	
		Uỷ ban dân số gia	
1	- Tỷ lệ phụ nữ người dân tộc tham gia chính	đình và trẻ em	,
9	quyền/tổng số cán bộ nữ tham gia chính quyền	Thành phố	
		Uỷ ban dân số gia	
	- Tỷ lệ trẻ em lang thang, cơ nhỡ, khuyết tật	đình và trẻ em	
10	được nhận các trợ giúp xã hội	Thành phố	
	- Tỷ lệ người dân tộc thiểu số được ổn định chỗ	UBND các quận,	
11	ăn, ở và sản xuất	huyện	
12	- Tỷ lệ xã nghèo có đường ô tô đến trung tâm xã	UBND các huyện	
	- Tỷ lệ xã nghèo được hỗ trợ về kết cấu hạ tầng	 	 .
13	thiết yếu	UBND các huyện	
<u> </u>	- Thu nhập bình quân của người nghèo, người	· · · · · · · · · · · · · · · · · · ·	
14	dân tộc thiểu số	Cục Thống kê	
<u> </u>			
15	- Thu nhập bình quân của 20% hộ nghèo nhất	Cục Thống kê	
16	- Thu nhập bình quân của 20% hộ giàu nhất	Cục Thống kê	
10	The map offer quair our 2070 to Black lines	~ 40 1 11011 KG	<u> </u>